

Số: 15 /NQ-HĐND

Bình Dương, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Danh mục Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước
thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 186/QĐ-TTg ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Xét Tờ trình số 3131/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 50/BC-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Danh mục Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bình Dương (phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ, Ban CTĐB;
- Các Bộ: GD&ĐT, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- LĐV.P: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm CB, Website tỉnh, Báo, Đài PT-TH Bình Dương;
- Các phòng, App, Web;
- Lưu: VT, ĐL (4).

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Chánh

Phụ lục
DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15 /NQ-HĐND
ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

| STT | Tên dịch vụ sự nghiệp công | Mức độ sử dụng ngân sách | |
|----------|---|--|--|
| | | NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ | NSNN bảo đảm phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá |
| I | Dịch vụ giáo dục mầm non và phổ thông | | |
| 1 | Dịch vụ giáo dục mầm non (Các dịch vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em từ 3 tháng đến 6 tuổi) | | |
| a | Dịch vụ chăm sóc dinh dưỡng; chăm sóc giấc ngủ; chăm sóc vệ sinh; chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an toàn (không bao gồm trẻ 5 tuổi) | | x |
| b | Dịch vụ chăm sóc dinh dưỡng; chăm sóc giấc ngủ; chăm sóc vệ sinh; chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an toàn cho trẻ 5 tuổi | | |
| | - Giai đoạn từ năm 2022 - 31/8/2024 | | x |
| | - Giai đoạn từ 01/9/2024 trở đi | x | |
| c | Hoạt động chơi; hoạt động học; hoạt động lao động; hoạt động ngày hội, ngày lễ (không bao gồm trẻ 5 tuổi). | | x |
| d | Hoạt động chơi; hoạt động học; hoạt động lao động; hoạt động ngày hội, ngày lễ cho trẻ 5 tuổi | | |
| | - Giai đoạn từ năm 2022 - 31/8/2024 | | x |
| | - Giai đoạn từ 01/9/2024 trở đi | x | |

| | | | |
|---|--|---|---|
| đ | + Hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trong nhà trường | x | |
| e | + Hoạt động tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em cho các cha mẹ trẻ và cộng đồng. | | x |
| 2 | Dịch vụ giáo dục phổ thông | | |
| a | Giáo dục tiểu học được thực hiện trong 5 năm học, từ lớp một đến lớp năm. | | |
| | - Hoạt động dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. | x | |
| | - Hoạt động giáo dục trải nghiệm bao gồm: hoạt động vui chơi, thể dục thể thao, tham quan du lịch, giao lưu văn hóa; các hoạt động xã hội khác. | | x |
| b | Giáo dục trung học cơ sở được thực hiện trong 4 năm học, từ lớp sáu đến lớp chín. Học sinh vào học lớp sáu phải hoàn thành chương trình tiểu học. | | |
| | - Hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp được tiến hành thông qua việc dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình giáo dục của cấp học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. | | |
| | + Giai đoạn từ năm 2022 - 31/8/2025 | | x |
| | + Giai đoạn từ 01/9/2025 trở đi | x | |
| | - Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp bao gồm: các hoạt động ngoại khóa về khoa học, văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu; các hoạt động vui chơi, tham quan, du lịch, giao lưu văn hóa, giáo dục môi trường; hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh. | | x |

| | | | |
|------------|---|---|---|
| c | Giáo dục trung học phổ thông được thực hiện trong 3 năm học, từ lớp mười đến lớp mười hai. Học sinh vào học lớp mười phải hoàn thành chương trình trung học cơ sở. | | |
| | - Hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp được tiến hành thông qua việc dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình giáo dục của cấp học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. | | x |
| | - Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp bao gồm các hoạt động ngoại khóa về khoa học, văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu; các hoạt động vui chơi, tham quan, du lịch, giao lưu văn hóa, giáo dục môi trường; hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh. | | x |
| II | Dịch vụ giáo dục cao đẳng sư phạm | | |
| 1 | Hoạt động Giảng dạy lý thuyết và thực hành ở trên lớp | x | |
| 2 | Tổ chức thực tập, thực tập, nghiên cứu khoa học | x | |
| 3 | Các hoạt động ngoại khóa bao gồm: tham quan học tập, sinh hoạt câu lạc bộ, tìm hiểu về chuyên ngành và các hoạt động khác | | x |
| III | Dịch vụ giáo dục đại học | | |
| 1 | Đào tạo trình độ đại học được thực hiện từ 4 đến 6 năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ 2,5 đến 4 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành; từ 1,5 đến 2 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng chuyên ngành; đào tạo văn bằng 2 | | x |

| | | | |
|-----------|--|---|---|
| 2 | Đào tạo đối với chuyên ngành Mác - Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh; Học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh học một trong các chuyên ngành Lao, Phong, Tâm thần, Giám định pháp Y, Pháp y tâm thần và Giải phẫu bệnh tại các cơ sở đào tạo nhân lực y tế công lập theo chỉ tiêu đặt hàng của tỉnh; đào tạo chuyên ngành sư phạm theo chỉ tiêu đặt hàng, giao nhiệm vụ của tỉnh | x | |
| 3 | Vừa làm vừa học và đào tạo từ xa (là hình thức đào tạo theo các lớp học, khóa học tại cơ sở giáo dục đại học hoặc cơ sở liên kết đào tạo, phù hợp với yêu cầu của người học để thực hiện chương trình đào tạo ở trình độ đại học) | | x |
| 4 | Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện từ 1 đến 2 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học | | x |
| 5 | Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện trong bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp đại học, từ hai đến ba năm học đối với người có bằng thạc sĩ | | x |
| IV | Dịch vụ giáo dục thường xuyên | | |
| 1 | Chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ | x | |
| 2 | Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người đọc, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ | | x |
| 3 | Chương trình đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ, bao gồm: chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn; chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ | | x |
| 4 | Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông dành riêng cho các đối tượng được hưởng chính sách xã hội, người tàn tật, khuyết tật, theo kế hoạch hằng năm của địa phương | x | |

| | | | |
|----------|--|--|---|
| 5 | Chương trình dạy và thực hành kỹ thuật nghề nghiệp, các hoạt động lao động sản xuất và các hoạt động khác phục vụ học tập | | x |
| 6 | Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông | | x |
| V | Nhóm Dịch vụ khác | | |
| 1 | Kiểm định chất lượng giáo dục | | x |
| 2 | Cấp phát các loại phôi văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo | | x |
| 3 | Công nhận văn bằng, chứng chỉ | | x |
| 4 | Bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục | | x |
| 5 | Hỗ trợ đào tạo, cung ứng nguồn nhân lực thông qua việc nghiên cứu xây dựng chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch và đào tạo nhân lực theo nhu cầu xã hội; điều tra, phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực thông qua việc kết nối cơ sở đào tạo với đơn vị sử dụng lao động nhằm khai thác các nguồn lực cho đào tạo phát triển nguồn nhân lực | | x |
| 6 | Tư vấn cho các tổ chức, cá nhân xây dựng kế hoạch, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, tham gia bồi dưỡng phát triển các kỹ năng cần thiết cho học sinh, sinh viên | | x |
